

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

Diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu ngân hàng khiến chỉ số VNIndex điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL diễn biến trầm lắng và không nhiều thay đổi khi NĐT thận trọng hơn trong giai đoạn diễn ra đại hội Đảng Việt Nam

[Thông tin doanh nghiệp]

VIC, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể tạm chốt lời một phần vị thế trading khi chỉ số một lần nữa thử thách lại vùng cản gần

25/01/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,166.05	-0.06
VN30	1,154.29	-0.20
HĐTL VN30F1M	1,173.10	-0.03
HNXIndex	231.84	-3.45
HNX30	361.80	-1.57
UPCoM	77.42	-0.23
USD/VND	23,071	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.18	+1
Lãi suất qua đêm (%)	0.14	+6
Dầu (WTI, \$)	52.62	+0.67
Vàng (LME, \$)	1,853.10	-0.14



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,166.05 (-0.06%)
KLGD (triệu CP) 666.1 (-3.4%)
GTGD (triệu U\$) 684.2 (-1.5%)

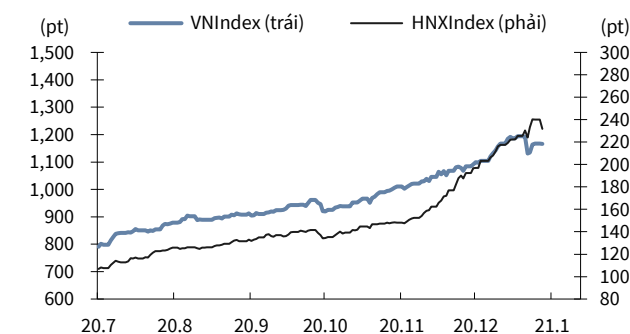
HNXIndex 231.84 (-3.45%)
KLGD (triệu CP) 146.2 (+1.2%)
GTGD (triệu U\$) 90.5 (+6.4%)

UPCoM 77.42 (-0.23%)
KLGD (triệu CP) 50.0 (-52.3%)
GTGD (triệu U\$) 29.6 (-12.4%)

ĐTNN mua ròng (triệu U\$) -10.9

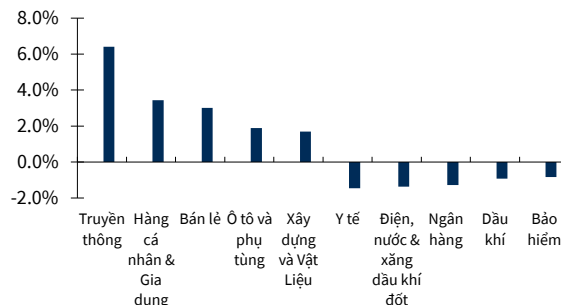
Diễn biến tiêu cực ở nhóm cổ phiếu ngân hàng khiến chỉ số VNIndex điều chỉnh nhẹ trong phiên hôm nay. Cụ thể, cổ phiếu ngân hàng như CTG (-2.1%), MBB (-1.6%) đồng loạt điều chỉnh trong phiên hôm nay sau khi kinh tế trưởng BID (-1.4%), ông Cấn Văn Lực, đánh giá con số nợ xấu thực tế của ngành ngân hàng năm 2021, nếu không được điều chỉnh theo thông tư 01, rơi vào khoảng 3%-3.5%. Cổ phiếu hàng không như HVN (-0.3%), VJC (-0.1%) giảm điểm trước lo ngại số ca nhiễm mới Covid-19 trên thế giới gia tăng, cản trở việc nối lại đường bay quốc tế. KQKD tích cực ở HPG (+0.1%) mới đây công bố hỗ trợ diễn biến các cổ phiếu khác trong ngành thép như NKG (+3.2%), HSG (+1.3%). Cổ phiếu nhóm cảng biển giao dịch tích cực hơn thị trường chung ở GMD (+1.2%), HAH (+0%) trước thông tin tình trạng tắc nghẽn container toàn cầu chưa có dấu hiệu kết thúc khiến giá cước vận chuyển gia tăng. Khối ngoại tiếp tục bán ròng ở HPG (+0.1%), VNM (-0.5%), VGC (+7.0%).

VNIndex & HNXIndex



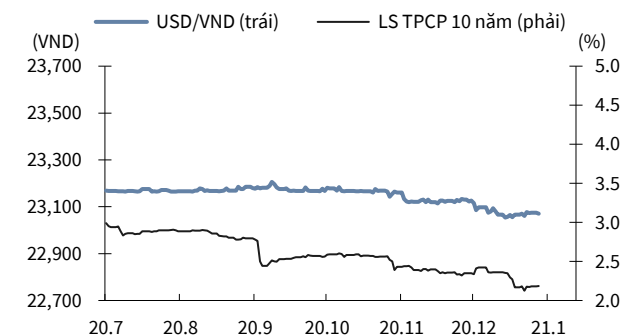
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



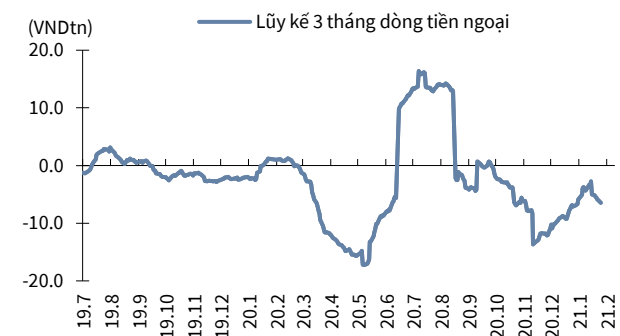
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

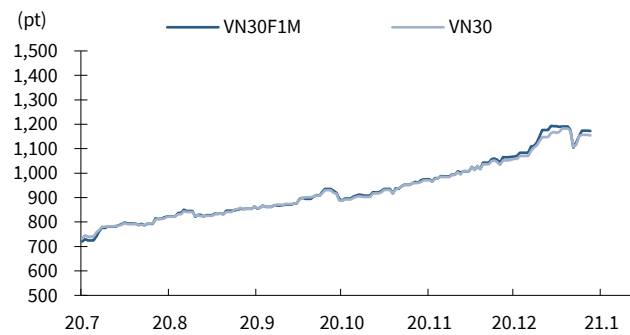
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,154.29 (-0.20%)
VN30F1M	1,173.1 (-0.03%)
Mở cửa	1,172.0
Cao nhất	1,178.4
Thấp nhất	1,166.4

HĐTL diễn biến trầm lắng và không nhiều thay đổi khi NĐT thận trọng hơn trong giai đoạn diễn ra đại hội Đảng Việt Nam. Chênh lệch F2102 và VN30 mở cửa ở mức 15.42 và giao động trong biên độ 11.5 và 20.5 trước khi đóng cửa ở ngưỡng 18.81. NĐTNN mua ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường suy giảm.

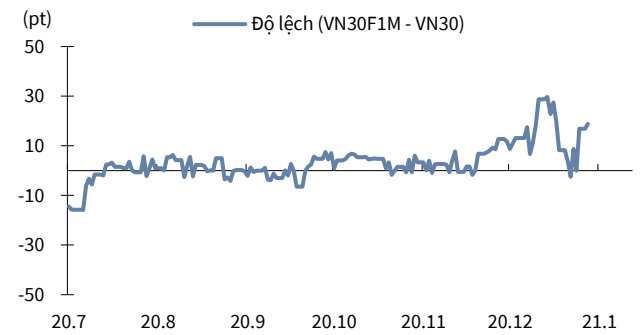
KLGD (HĐ) **134,634 (-28.3%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



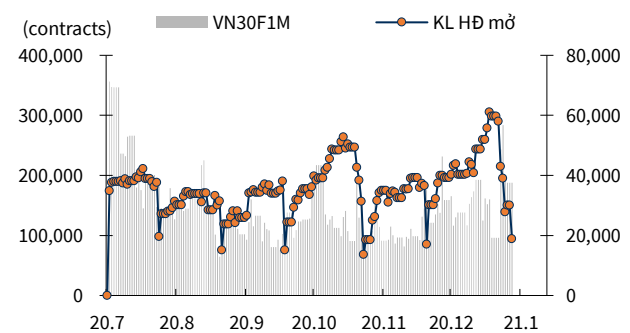
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



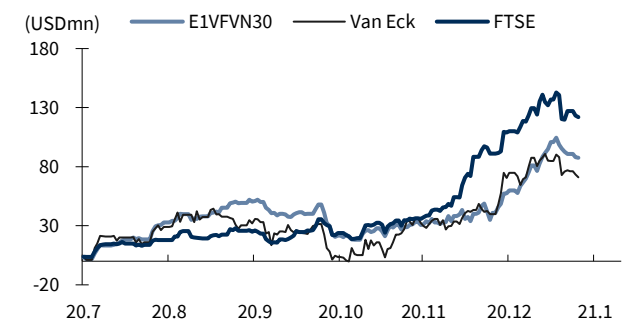
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

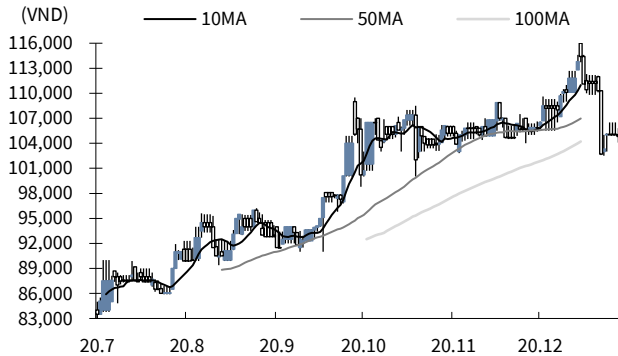
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

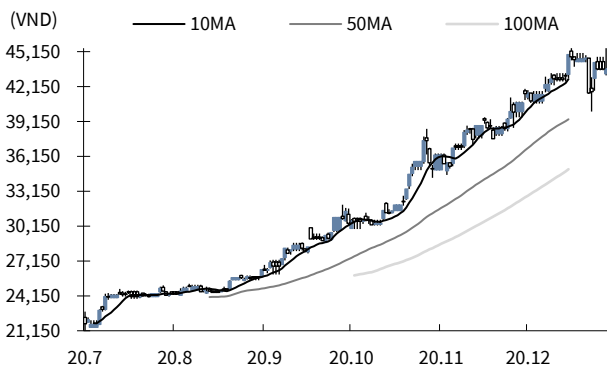
Vingroup (VIC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -0.2% xuống 104,800 VND/cp.
- VIC công bố chào bán 6,975 tỷ đồng trái phiếu ra công chúng để tăng vốn cho VinFast và VinSmart. Đây là loại trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không được bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp. Vingroup dự kiến chia 3 đợt chào bán trái phiếu, thời gian thực hiện trong quý I hoặc quý II năm 2021.

Hòa Phát (HPG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.1% lên 43,700 VND/cp.
- HPG công bố kết quả kinh doanh quý IV/2020 với lợi nhuận 4,660 tỷ đồng (+142% YoY) và doanh thu 26,166 tỷ đồng (+43% YoY). Lũy kế năm 2020, lợi nhuận tập đoàn đạt 13,506 tỷ đồng (+80% YoY), doanh thu 91,279 tỷ đồng (+41% YoY) và tiêu thụ 5.8 triệu tấn thép thô, gấp đôi năm 2019.
- HPG dự kiến đặt mục tiêu năm 2021 tiêu thụ 2.7 triệu tấn HRC, trên 5 triệu tấn phôi và thép xây dựng.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

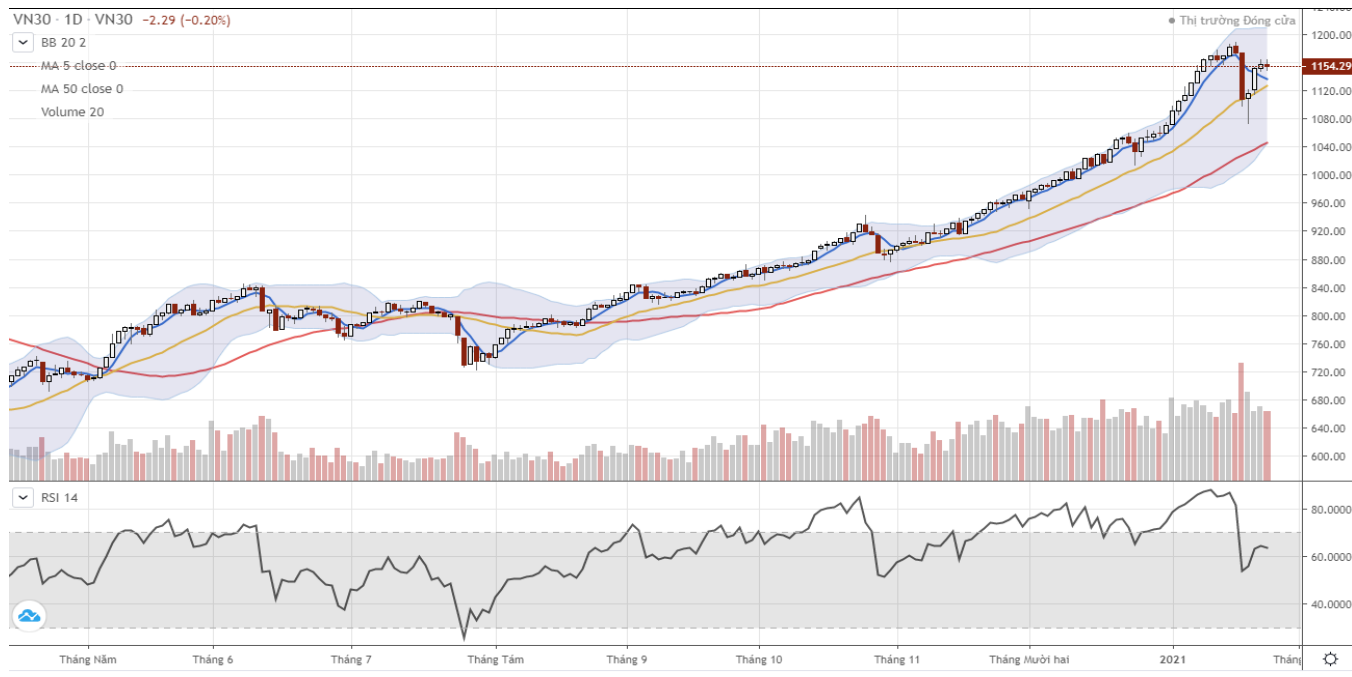
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến rung lắc trong biên độ hẹp, hình thành thêm mẫu nến trung tính.
- Xu hướng ngắn hạn của thị trường vẫn đang khá trung tính và rủi ro kéo dài thêm nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu nếu chỉ số không vượt qua được vùng cản gần, được đẩy lên quanh 1180 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ vị thế trung hạn và có thể tạm chốt lời một phần vị thế trading khi chỉ số một lần nữa thử thách lại vùng cản gần.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1191-1195

Kháng cự gần: 1179-1181

Hỗ trợ gần: 1166-1168

Hỗ trợ xa: 1158-1162

- F1 diễn biến giằng co, tăng giảm đan xen trong phiên và hình thành mẫu nến spinning.
- Xu hướng ngắn hạn vẫn đang khá trung tính và rủi ro kéo dài thêm nhịp điều chỉnh vẫn hiện hữu nếu chỉ số không vượt qua được vùng cản gần quanh 1190 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục giao dịch linh hoạt 2 chiều nhưng cần đặt STOP chặt khi thị trường đang trong trạng thái biến động mạnh.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm thời đóng vị thế LONG khi F1 test lại vùng cản gần.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

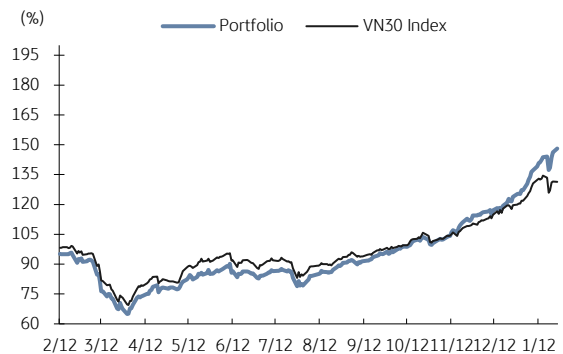
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.20%	1.27%
Tăng lũy kế (YTD)	31.31%	48.09%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 25/01/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	132,000	3.8%	13.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,200	3.7%	43.9%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	87,000	3.6%	13.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	25,200	-1.6%	48.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	54,300	0.4%	59.7%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	67,000	0.1%	100.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	36,800	-2.1%	50.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	84,700	-2.2%	15.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,700	0.1%	123.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	45,500	6.9%	232.1%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUESSVFL	-1.1%	99.4%	209.8
FUEVFVND	1.3%	100.0%	35.3
KBC	6.9%	18.8%	33.9
E1VFN30	-0.2%	98.6%	32.6
DXG	7.0%	34.8%	29.3
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	0.1%	31.7%	-120.7
VNM	-0.5%	57.8%	-114.6
VGC	7.0%	7.7%	-95.8
GAS	-2.2%	3.1%	-61.8
FCN	2.7%	44.7%	-43.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	-1.5%	5.3%	0.6
VCS	0.7%	3.4%	0.7
BAX	-4.2%	7.1%	0.6
IDJ	5.5%	3.1%	0.5
TNG	9.9%	3.9%	0.2
Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHB	-4.0%	6.0%	-23.6
SHS	-5.8%	8.9%	-2.4
HHG	9.1%	4.1%	-0.8
BVS	-3.1%	14.8%	-0.6
ART	-9.1%	4.9%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.8%	TCM, PNJ
Bán lẻ	3.3%	MWG, ABS
Xây dựng và Vật Liệu	2.2%	VGC, ROS
Công nghệ thông tin	1.8%	SAM, FPT
Ô tô và phụ tùng	1.1%	DRC, CSM
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-6.5%	BVH, BMI
Dịch vụ tài chính	-6.3%	SSI, FIT
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-4.8%	GAS, POW
Dầu khí	-4.7%	PLX, PVD
Y tế	-4.0%	DHG, PME

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ô tô và phụ tùng	20.7%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	17.7%	PNJ, TCM
Công nghệ thông tin	16.8%	FPT, SAM
Bất động sản	11.9%	VHM, BCM
Bán lẻ	11.4%	MWG, ABS
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-2.7%	YEG, PNC
Y tế	-0.8%	PME, DHG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.2%	GAS, NT2
Bảo hiểm	0.6%	BMI, PGI
Dầu khí	1.6%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	104,800	354,479 (15,365)	126,048 (5.5)	22.7	62.8	43.0	14.2	6.4	8.5	3.7	3.4	-0.2	-5.0	-1.0	-3.1
	VHM	VINHOMES JSC	99,500	327,307 (14,187)	266,286 (11.5)	26.8	12.3	10.4	34.2	36.8	30.8	3.8	2.9	0.2	-1.5	13.6	11.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	37,800	85,894 (3,723)	270,796 (11.7)	17.5	38.0	27.4	-11.8	8.2	10.8	3.0	2.8	2.4	1.2	24.1	20.4
	NVL	NO VA LAND INVES	80,000	85,116 (3,689)	375,819 (16.3)	31.7	20.7	19.8	3.1	14.7	13.5	3.0	2.6	1.3	12.8	21.7	22.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	35,500	19,838 (860)	47,301 (2.0)	11.0	18.3	15.9	13.9	14.0	15.1	2.5	2.3	4.6	5.5	24.8	21.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,400	11,091 (481)	186,175 (8.1)	14.2	10.8	10.5	-	13.7	12.1	1.4	1.2	7.0	17.9	40.8	34.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,500	380,160 (16,478)	102,097 (4.4)	6.3	19.3	15.2	17.8	19.3	20.7	3.3	2.8	-0.5	-0.8	5.0	4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	44,600	179,382 (7,775)	102,727 (4.5)	12.6	32.1	20.2	-7.2	9.3	12.2	2.2	2.0	-1.4	-8.3	-4.3	-6.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	35,800	125,476 (5,439)	547,887 (23.7)	0.0	11.2	9.7	9.3	16.8	16.4	1.7	1.5	-1.4	-1.1	21.2	13.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,939)	346,997 (15.0)	1.3	14.6	10.9	31.2	12.6	14.8	1.6	1.4	-2.1	-4.7	6.1	6.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	35,900	88,125 (3,820)	196,375 (8.5)	0.0	8.2	7.4	18.8	18.5	17.2	1.4	1.2	-1.6	-1.5	10.5	10.5
	MBB	MILITARY COMMERC	25,200	70,529 (3,057)	493,798 (21.4)	0.0	7.8	6.5	14.6	17.9	18.1	1.3	1.1	-1.6	-3.8	10.1	10.6
	HDB	HDBANK	25,650	40,880 (1,772)	144,529 (6.3)	4.1	9.0	7.6	24.7	19.2	19.0	1.6	1.3	-1.7	-5.9	6.9	8.0
	STB	SACOMBANK	19,350	34,901 (1,513)	631,302 (27.4)	14.0	15.6	11.7	32.4	8.4	9.9	1.2	1.1	-3.0	-6.1	14.2	14.5
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,300	28,164 (1,221)	94,522 (4.1)	0.0	7.7	6.5	37.5	19.9	19.7	1.4	1.2	-1.4	-5.2	0.6	1.9
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	20,000	24,589 (1,066)	12,575 (0.5)	0.0	28.9	32.9	13.6	5.3	4.4	1.5	1.4	-2.4	-6.8	4.7	3.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	64,000	47,509 (2,059)	81,762 (3.5)	20.8	37.8	30.4	4.0	6.6	8.2	2.4	2.3	-1.1	-6.7	3.4	-3.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	28,900	2,640 (114)	28,027 (1.2)	14.9	13.9	11.4	8.4	9.4	11.1	1.1	1.0	-0.2	-8.8	-2.7	-5.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,700	20,187 (875)	435,697 (18.9)	55.0	17.5	16.4	-4.1	10.3	11.7	-	-	-0.1	-7.2	11.2	1.8
	VCI	VIET CAPITAL SEC	60,300	9,986 (433)	93,967 (4.1)	73.6	-	-	-4.0	13.0	-	-	-	-1.1	-5.8	14.4	3.6
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,400	9,578 (415)	187,683 (8.1)	51.8	-	-	-19.0	17.1	-	-	-	1.9	-5.7	1.3	0.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,900	5,818 (252)	160,384 (7.0)	25.7	-	-	-	7.4	11.2	-	-	-0.2	-9.0	-3.3	-7.0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	108,200	226,100 (9,800)	299,738 (13.0)	42.2	22.1	19.9	6.8	38.9	39.1	7.7	7.0	-0.5	-4.5	-0.7	-0.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	194,000	124,409 (5,392)	30,614 (1.3)	36.9	29.3	23.9	3.5	22.4	24.9	6.0	5.4	0.0	-3.2	-2.0	-0.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	97,000	113,944 (4,939)	211,091 (9.1)	17.0	104.9	43.1	-52.5	3.5	9.7	3.6	3.4	4.0	2.0	17.6	9.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	13,550	15,021 (651)	155,150 (6.7)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-5.2	-12.6	-4.6	-6.9
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	133,600	69,985 (3,033)	90,508 (3.9)	11.1	-	32.1	-	-4.3	14.1	4.8	4.3	-0.1	1.2	6.1	6.9
	GMD	GEMADEPT CORP	32,500	9,795 (425)	142,169 (6.2)	10.6	23.8	21.9	-53.1	7.1	7.5	1.6	1.6	1.2	-6.9	1.1	-0.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,800	5,446 (236)	71,076 (3.1)	40.4	12.0	11.3	136.8	9.1	8.9	1.0	1.0	-1.7	-3.2	15.4	6.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	4,570	2,594 (112)	81,085 (3.5)	45.8	-	-	-	-	-	-	-	6.8	22.2	85.8	80.6
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,550	10,868 (471)	205,906 (8.9)	37.2	30.9	13.0	-17.7	11.3	12.4	-	-	0.9	-5.5	-2.4	0.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	80,500	6,142 (266)	112,943 (4.9)	3.0	12.3	11.2	-40.4	6.3	6.5	0.7	0.7	0.8	-4.2	8.8	3.6
	REE	REE	54,300	16,781 (727)	32,718 (1.4)	0.0	11.3	10.0	-8.7	13.4	14.0	1.5	1.3	0.4	0.7	13.1	10.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	84,700	162,112 (7,027)	99,939 (4.3)	46.0	19.9	16.6	-14.9	17.0	23.1	3.3	3.3	-2.2	-6.5	0.6	-2.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	24,100	6,938 (301)	19,441 (0.8)	30.9	10.2	8.6	-10.5	16.9	20.3	1.7	1.6	1.0	-3.8	-2.4	-2.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	28,100	9,009 (391)	13,116 (0.6)	33.9	10.8	10.8	-5.3	14.4	14.3	1.5	1.5	1.4	10.4	17.1	14.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,700	144,790 (6,276)	860,181 (37.3)	17.3	12.6	10.0	15.5	21.1	22.1	2.7	2.2	0.1	-2.0	7.2	5.4
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,500	7,240 (314)	58,974 (2.6)	36.3	10.2	11.2	8.0	9.7	8.9	0.9	0.8	0.0	-8.0	-1.1	-1.6
	DCM	PETRO CA MAU FER	14,400	7,623 (330)	59,844 (2.6)	46.0	13.5	17.7	-2.1	10.1	7.8	1.2	1.2	0.7	-4.6	4.3	2.9
	HSG	HOA SEN GROUP	26,850	11,929 (517)	191,823 (8.3)	37.7	10.3	9.3	67.9	15.9	15.5	1.6	1.4	1.3	5.3	20.7	21.2
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	14,700	3,260 (141)	55,984 (2.4)	97.0	8.0	8.6	38.5	11.7	10.1	0.9	0.9	1.7	-4.9	5.0	2.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	53,900	65,694 (2,847)	55,629 (2.4)	4.3	62.6	19.9	-44.1	4.9	15.3	2.8	2.6	-0.7	-3.9	1.5	-1.3
	PVD	PETROVIETNAM DRI	20,800	8,759 (380)	238,530 (10.3)	40.1	66.3	65.3	-6.2	0.9	0.9	0.7	0.7	-2.3	-10.2	44.4	28.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	18,700	6,052 (262)	102,927 (4.5)	35.7	11.8	11.4	-8.6	11.1	10.4	1.1	1.0	-4.6	8.7	43.3	33.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	132,000	61,608 (2,670)	147,244 (6.4)	0.0	15.3	11.7	13.6	28.7	29.0	3.9	3.1	3.8	4.4	11.4	11.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,000	19,788 (858)	58,660 (2.5)	0.0	16.3	12.9	7.0	22.9	23.3	3.4	2.7	3.6	3.7	12.0	7.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	44,700	1,398 (061)	2,855 (0.1)	70.5	18.8	13.7	-28.1	6.7	8.5	1.2	1.1	6.9	-0.7	-5.7	-3.0
	FRT	FPT DIGITAL RETA	32,700	2,583 (112)	71,359 (3.1)	31.2	77.9	23.3	-48.9	2.8	9.3	2.1	2.1	0.0	-4.8	4.3	2.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	65,400	8,862 (384)	71,394 (3.1)	35.0	9.3	16.5	41.1	32.6	16.9	2.6	2.7	-0.8	-7.2	1.6	3.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	103,400	13,519 (586)	2,042 (0.1)	45.3	17.7	17.1	10.7	20.3	19.7	3.3	3.1	-1.1	-2.6	-1.1	-0.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	72,200	5,416 (235)	669 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	-1.8	-4.9	-5.4	-5.6
IT	FPT	FPT CORP	67,000	52,522 (2,277)	142,322 (6.2)	0.0	15.5	13.2	19.4	23.5	25.4	3.2	2.9	0.1	1.1	16.3	13.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh
anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu
hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbfsg.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.